

Số: 38 /QĐ-THĐG

Đức Giang, ngày 28 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v niêm yết công khai dự toán bổ sung kinh phí đảm bảo quỹ tiền lương
(đợt 1) năm 2021 đã được phê duyệt**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ công văn số 210/UBND-TCKH ngày 23/02/2016 về việc thực hiện công khai tài chính, ngân sách, tài sản, đầu tư XD cơ bản;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 09/04/2021 của UBND quận Long Biên về việc của UBND quận Long Biên về việc bổ sung kinh phí đảm bảo quỹ tiền lương (đợt 1) năm 2021 cho các đơn vị thuộc Quận;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 của đơn vị;

Căn cứ dự toán bổ sung năm 2021 đã được Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Long Biên phê duyệt ngày 28/04/2021

Xét đề nghị của kế toán trường Tiểu học Đức Giang

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung năm 2021 của trường Tiểu học Đức Giang (theo biểu 02 đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu trường Tiểu học Đức Giang, Phòng tài vụ và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH Quận;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phan Thị Xuân Thu

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐỨC GIANG

Chương: 622

DỰ TOÁN BỔ SUNG THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021 - BS đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 38/QĐ-THĐG ngày 28/04/2021 của Trường TH Đức Giang)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	360.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	360.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	360.000
	10% Tiết kiệm chi CCTL	-
	Chi thanh toán cá nhân thực hiện CCTL	360.000
6000	Tiền lương	195.037
6100	Phụ cấp lương	99.324
6300	Các khoản đóng góp	65.639
	KP thực hiện chi thường xuyên	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
	KP thực hiện Đề án "Sửa học đường"	-
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Số: 11/TB-THĐG

Đức Giang, ngày 29 tháng 04 năm 2021

THÔNG BÁO

V/v niêm yết công khai dự toán bổ sung kinh phí đảm bảo quỹ tiền lương
(đợt 1) năm 2021 đã được phê duyệt

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ công văn số 210/UBND-TCKH ngày 23/02/2016 về việc thực hiện công khai tài chính, ngân sách, tài sản, đầu tư XD cơ bản;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 09/04/2021 của UBND quận Long Biên về việc của UBND quận Long Biên về việc bổ sung kinh phí đảm bảo quỹ tiền lương (đợt 1) năm 2021 cho các đơn vị thuộc Quận;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 của đơn vị;

Căn cứ dự toán bổ sung năm 2021 đã được Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Long Biên phê duyệt ngày 28/04/2021

Căn cứ quyết định số: 37/QĐ-THĐG ngày 28/04/2021 v/v công bố công khai dự toán bổ sung năm 2021 của hiệu trưởng trường Tiểu học Đức Giang;

- **Bộ phận thực hiện niêm yết công khai:** Hiệu trưởng, kế toán, TBTTND.
- **Địa điểm niêm yết:** Phòng Hội đồng trường Tiểu học Đức Giang, Webside điện tử
- **Thời gian niêm yết:** Từ ngày 29/04/2021 đến hết ngày 29/07/2021
- **Thời gian nhận ý kiến phản hồi:** Từ ngày 29/04/2021 đến hết ngày 29/07/2021
- **Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi:** Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường.
- **Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc:** chậm nhất là 31/07/2021



Phan Thị Xuân Thu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Dự toán bổ sung kinh phí đảm bảo quỹ tiền lương
(đợt 1) năm 2021 đã được phê duyệt

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ công văn số 210/UBND-TCKH ngày 23/02/2016 về việc thực hiện công khai tài chính, ngân sách, tài sản, đầu tư XD cơ bản;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 09/04/2021 của UBND quận Long Biên về việc của UBND quận Long Biên về việc bổ sung kinh phí đảm bảo quỹ tiền lương (đợt 1) năm 2021 cho các đơn vị thuộc Quận;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 của đơn vị;

Căn cứ dự toán bổ sung năm 2021 đã được Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Long Biên phê duyệt ngày 28/04/2021

Căn cứ quyết định số: 38 /QĐ-THĐG ngày 28/04/2021 v/v công bố công khai dự toán bổ sung năm 2021 của hiệu trưởng trường Tiểu học Đức Giang;

Hôm nay, vào hồi 08h00 ngày 29 tháng 04 năm 2021, tại: Phòng Hội đồng trường Tiểu học Đức Giang.

Thành phần gồm có:

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| 1. Bà Phan Thị Xuân Thu | Chức vụ: Hiệu trưởng |
| 2. Bà Hà Thị Ánh Tuyến | Chức vụ: Trưởng ban TTND |
| 3. Bà Mai Thị Mẫn | Chức vụ: Kế toán |

Có sự chứng kiến của:

Ông (Bà): Nguyễn Thị Thu Hằng Chức vụ: Thủ quỹ, Thư kí HĐ

Đã tiến hành niêm yết công khai “Số liệu bổ sung kinh phí đảm bảo quỹ tiền lương (đợt 1) năm 2021”.

Thời gian niêm yết: Từ ngày 29/04/2021 đến hết ngày 29/07/2021

Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng trường Tiểu học Đức Giang, Webside điện tử

Biên bản lập xong vào hồi 9 giờ 00 ngày 29 tháng 04 năm 2021, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.

BỘ PHẬN NIÊM YẾT NGƯỜI CHỨNG KIẾN

Hà Thị Ánh Tuyên

Nguyễn Thị Thu Hằng



Phan Thị Xuân Thu

Mai Thị Mẫn

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH BỔ SUNG ĐỢT 1 NĂM 2021

Kính gửi: PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH QUẬN LONG BIÊN
KHO BẠC NHÀ NƯỚC LONG BIÊN

Căn cứ vào Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ vào Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của UBND Quận Long Biên về việc Bổ sung kinh phí đảm bảo quy tiền lương cho các phòng, ban, đơn vị thuộc quận (Đợt 1 - năm 2021).

Trường Tiểu học Đức Giang, lập dự toán chi ngân sách bổ sung năm 2021 như sau:

Chương: 622; Loại: 070; Khoản: 072

TK: 9523.3.1088974.00000


ĐV: 1000 đồng

MỤC	TIÊU MỤC	NỘI DUNG	DỰ TOÁN BỔ SUNG	GHI CHÚ
Chi thanh toán cá nhân				
Mục 6000		Tiền lương	195.037	
	6001	Lương ngạch bậc: $154,791 * 4,5T * 280$	195.037	
Mục 6100		Phụ cấp lương	99.324	
	6101	Phụ cấp chức vụ : $1,3 * 4,5T * 280$	1.217	
	6112	Phụ cấp ưu đãi ngành : $50,464 * 4T * 280$	63.584	
	6113	Phụ cấp trách nhiệm: $0,3 * 4,5T * 280$	378	
	6115	Phụ cấp thâm niên nhà giáo, TNVK: $(0,283 + 26,816) * 4,5T * 280$	34.145	
Mục 6300		Các khoản đóng góp	65.639	
	6301	BHXH : $(195.037 + 1217 + 34.145) * 17,5%$	48.880	
	6302	BHYT : $(195.037 + 1217 + 34.145) * 3%$	8.379	
	6303	KPCĐ : $(195.037 + 1217 + 34.145) * 2%$	5.586	
	6304	BHTN : $(195.037 + 1217 + 34.145) * 1%$	2.793	
		TỔNG CỘNG :	360.000	

(Bảng chữ: Ba trăm sáu mươi triệu đồng chẵn.)

Ngày 28 tháng 04 năm 2021

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH QUẬN LONG BIÊN


PHỤ TRƯỞNG PHÒNG
Phan Thị Xuân Thu

Ngày 28 tháng 04 năm 2021

ĐƠN VỊ BƯ ĐUNG NGÂN SÁCH

KẾ TOÁN


Mai Thị Mẫn

PHỤ TRƯỞNG

Phan Thị Xuân Thu

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN

CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1479/QĐ-UBND

Long Biên, ngày 03 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Bổ sung kinh phí cải cách tiền lương để đảm bảo quỹ tiền lương
cho các đơn vị thuộc quận (Đợt I - năm 2021)**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/5/2019 về quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 05/5/2019 của Chính phủ;

Căn cứ văn bản số 359/KTNN-TH ngày 28/10/2020 của Tổng kiểm toán Nhà nước về kiến nghị thực hiện một số nội dung sau kiểm toán;

Căn cứ Quyết định số 7668/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND Quận Long Biên về việc "Giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách của Quận Long Biên năm 2021";

Theo Tờ trình số: 02/TTr-TCKH ngày 07/4/2021 của phòng Tài chính - Kế hoạch quận Long Biên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung kinh phí cải cách tiền lương để đảm bảo quỹ tiền lương cho các phòng, ban, hội, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc quận (Đợt I - năm 2021) số tiền: 12.217.699.000 đồng (Mười hai tỷ, hai trăm mười bảy triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng), cụ thể:

- Tổng kinh phí thực hiện CCTL đợt I năm 2021 cho các đơn vị, số tiền: 12.370.000.000 đồng (Mười hai tỷ, ba trăm bảy mươi triệu đồng).



- Kinh phí phải giảm trừ theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực I số tiền: 152.301.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, ba trăm linh một nghìn đồng).

- Kinh phí cấp bổ sung cho các đơn vị để thực hiện CCTL năm 2021 sau giảm trừ số tiền: 12.217.699.000 đồng (Mười hai tỷ, hai trăm mười bảy triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng), trong đó:

+ Phòng, ban, hội, đoàn thể: 2.617.125.0000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm mười bảy triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

+ Trường học thuộc quận: 9.600.574.000 đồng (Chín tỷ, sáu trăm triệu, năm trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

(Chi tiết theo phụ lục số 01,02 đính kèm)

- Nguồn kinh phí: Nguồn thực hiện cải cách tiền lương ngân sách quận năm 2021.

Điều 2. Các đơn vị được giao bổ sung kinh phí ghi tại Điều 1 quyết định này có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách bổ sung năm 2021 theo quy định; Sử dụng kinh phí để đảm bảo quỹ tiền lương năm 2021 (Chi lương và các khoản thanh toán cho cá nhân) theo đúng chế độ quy định của Nhà nước; Trường hợp kinh phí không sử dụng hết thì thực hiện chuyển nguồn sang năm 2022, không được sử dụng cho mục đích khác; Quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

* Đối với các đơn vị phải giảm trừ kinh phí theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực I do đã sử dụng từ nguồn CCTL để chi trả cho hợp đồng 68, chủ động bố trí kinh phí tự chủ để đảm bảo nhu cầu thực hiện CCTL năm 2021 của đơn vị.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND - UBND quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị ghi tại Điều 1, Giám đốc Kho bạc nhà nước Long Biên và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT HĐND-UBND quận;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKH.(110b). *R*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hà

**BỔ SUNG KINH PHÍ ĐẢM BẢO QUỸ TIỀN LƯƠNG
NĂM 2021 KHÓI PHÒNG BAN, HỘI, ĐOÀN THỂ**

(Kèm theo Quyết định số: 1479/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của UBND quận Long Biên)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	ĐƠN VỊ	KINH PHÍ CẤP NĂM 2021	KINH PHÍ GIẢM TRỪ THEO KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC	KINH PHÍ SAU GIẢM TRỪ	GHI CHÚ
	TỔNG	2.628.000	10.875	2.617.125	
1	Văn phòng HĐND-UBND	197.000	5.535	191.465	
2	Phòng Tài nguyên & Môi trường	158.000		158.000	
3	Quản lý đô thị	130.000		130.000	
4	Phòng Kinh tế	93.000		93.000	
5	Phòng Văn hoá-Thông tin	68.000		68.000	
6	Phòng nội vụ	119.000		119.000	
7	Phòng Lao động TB&XH	27.000		27.000	
8	Phòng Giáo dục & Đào tạo	193.000		193.000	
9	Phòng Tài chính-Kế hoạch	136.000		136.000	
10	Phòng Tư pháp	33.000		33.000	
11	Thanh tra quận	101.000		101.000	
12	Phòng Y tế	92.000		92.000	
13	Văn phòng Quận ủy	831.000	5.340	825.660	
14	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc	115.000		115.000	
15	Quận đoàn	48.000		48.000	
16	Hội phụ nữ	121.000		121.000	
17	Hội cựu chiến binh	21.000		21.000	
18	Hội chữ thập đỏ	31.000		31.000	
19	Hội người mù	19.000		19.000	
20	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	95.000		95.000	



Inventory List

This list contains the items currently in stock. The quantities are in units.

Item ID	Item Name	Unit	Current Stock	Reorder Point
001	Apple	kg	100	50
002	Banana	kg	200	100
003	Carrot	kg	50	25
004	Cucumber	kg	150	75
005	Tomato	kg	300	150
006	Potato	kg	400	200
007	Onion	kg	250	125
008	Garlic	kg	100	50
009	Spinach	kg	80	40
010	Kale	kg	60	30
011	Broccoli	kg	90	45
012	Cauliflower	kg	70	35
013	Zucchini	kg	110	55
014	Peas	kg	130	65
015	Beans	kg	160	80
016	Lentils	kg	180	90
017	Rice	kg	200	100
018	Wheat	kg	220	110
019	Oats	kg	240	120
020	Flour	kg	260	130



BỔ SUNG KINH PHÍ ĐẢM BẢO QUỸ TIỀN LƯƠNG NĂM 2021

KHỐI TRƯỜNG HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 1479 /QĐ-UBND ngày 09 /4/2021 của UBND quận Long Biên)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	ĐƠN VỊ	KINH PHÍ CẤP NĂM 2021	KINH PHÍ GIẢM TRỪ THEO KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC	KINH PHÍ SAU GIẢM TRỪ	GHI CHÚ
	TỔNG	9.742.000	141.426	9.600.574	
I	Khối trường mầm non	2.822.000	88.056	2.733.944	
1	Mầm non Hoa Sữa	70.000	2.016	67.984	
2	Mầm non Sơn Ca	200.000	2.340	197.660	
3	MN Hoa Sen	120.000	1.224	118.776	
4	Mầm non Đức Giang	180.000	2.556	177.444	
5	Mầm non Phúc Lợi	120.000	3.672	116.328	
6	Mầm non Giang Biên	80.000	4.212	75.788	
7	Mầm non Cự Khối	110.000	1.440	108.560	
8	Mầm non Thạch Bàn	90.000	4.320	85.680	
9	Mầm non Long Biên	150.000	2.664	147.336	
10	Mầm non Ngọc Thụy	155.000	2.556	152.444	
11	Mầm non Thượng Thanh	75.000	4.104	70.896	
12	Mầm non Bồ Đề	75.000	900	74.100	
13	Mầm non Phúc Đồng	90.000	2.448	87.552	
14	Mầm non Gia Thụy	250.000	2.340	247.660	
15	Mầm non Việt Hưng	120.000	4.320	115.680	
16	Mầm non Hoa Mai	125.000	4.104	120.896	
17	Mầm non Ánh sao	90.000	3.888	86.112	
18	Mầm non Tuổi Hoa	65.000	3.564	61.436	
19	Mầm non Bắc Cầu	84.000	2.448	81.552	
20	Mầm non Chim én	95.000	5.832	89.168	
21	Mầm non Hoa Phượng	90.000	2.448	87.552	
22	Mầm non Hoa Thủy Tiên	50.000	3.348	46.652	
23	Mầm non Gia Thượng	10.000	4.320	5.680	
24	Mầm non Bắc Biên	10.000	2.016	7.984	
25	Mầm non Thạch Cầu	57.000	2.340	54.660	
26	Mầm non Tràng An	11.000	2.772	8.228	
27	Mầm non Hồng Tiến	30.000	1.008	28.992	
28	Mầm non Gia Quất	150.000	3.096	146.904	
29	Mầm non Tân Mai	50.000	2.880	47.120	
30	Mầm non Long Biên A	20.000	2.880	17.120	
II	Khối Tiểu học	5.962.000	47.028	5.914.972	
1	Trường TH Long Biên	300.000	3.780	296.220	

STT	ĐƠN VỊ	KINH PHÍ CẤP NĂM 2021	KINH PHÍ GIẢM TRỪ THEO KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC	KINH PHÍ SAU GIẢM TRỪ	GHI CHÚ
2	Trường TH Bồ Đề	110.000		110.000	
3	Trường TH Ái Mộ A	130.000	1.356	128.644	
4	Trường TH Ái Mộ B	350.000	3.252	346.748	
5	Trường TH Ngọc Lâm	850.000	4.668	845.332	
6	Trường TH Ngọc Thụy	250.000		250.000	
7	Trường TH Thượng Thanh	270.000		270.000	
8	Trường TH Việt Hưng	270.000		270.000	
9	Trường TH Đức Giang	360.000		360.000	
10	Trường TH Ngô Gia Tự	300.000		300.000	
11	Trường TH Giang Biên	100.000	1.332	98.668	
12	Trường TH Phúc đồng	180.000	3.348	176.652	
13	Trường TH Sài Đồng	400.000	1.260	398.740	
14	Trường TH Phúc Lợi	165.000		165.000	
15	Trường TH Cự Khối	180.000	4.788	175.212	
16	Trường TH Thạch Bàn A	140.000	4.140	135.860	
17	Trường TH Thạch Bàn B	42.000	1.236	40.764	
18	Trường TH Vũ Xuân Thiều	260.000	3.348	256.652	
19	Trường TH Lý Thường Kiệt	160.000		160.000	
20	Trường TH Thanh Am	140.000	4.140	135.860	
21	Trường TH ĐT Việt Hưng	225.000	2.232	222.768	
22	Trường TH Gia Thụy	370.000	1.224	368.776	
23	Trường TH Gia Thượng	160.000	2.244	157.756	
24	Trường TH Đoàn kết	100.000	2.556	97.444	
25	Trường TH Gia Quất	150.000	2.124	147.876	
III	Khối THCS	728.000	6.342	721.658	
1	Trường THCS Việt Hưng	80.000		80.000	
2	Trường THCS Đ/Giang	170.000	1.446	168.554	
3	Trường THCS Ngô gia Tự	60.000		60.000	
4	Trường THCS Giang Biên	25.000	1.332	23.668	
5	Trường THCS Phúc Đồng	10.000	2.448	7.552	
6	Trường THCS Sài Đồng	54.000		54.000	
7	Trường THCS Cự Khối	9.000	1.116	7.884	
8	Trường THCS ĐT Việt Hưng	50.000		50.000	
9	THCS Chu Văn An	50.000		50.000	
10	THCS Nguyễn Bình Khiêm	220.000		220.000	
IV	Trường khuyết tật	230.000	-	230.000	
1	Trường PTCS Hy Vọng	230.000		230.000	